

PREPOSITIONS OF PLACE

- on: ở trên
- in: ở trong
- under: ở dưới
- in front of: ở đằng trước
- behind: ở đằng sau
- next to: kế bên
- between: ở giữa
- opposite: ở đối diện
- watch: đồng hồ đeo tay
- glasses: mắt kính
- football: bóng đá
- rollerblades: giày trượt patin
- sweet: kẹo
- umbrella: cái dù, cái ô

- book: sách
- table: cái bàn
- chair: cái ghế
- lamp: đèn bàn
- vase: lọ hoa
- pen: bút mực
- carpet: tấm thảm
- ball: quả bóng
- armchair: ghế bành
- clock: đồng hồ treo tường
- wall: bức tường
- computer: máy tính
- bed: cái giường
- window: cửa sổ
- box: cái hộp